

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/DS-ST.

Ngày 15-3-2021.

V/v tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Ngọc Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Cao Hoài Hiêm;

2. Bà Dương Thị Mỹ Liên.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Minh Tú - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

*- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 165/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXX-ST ngày 02 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp TĐ, xã SĐ, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị vắng mặt.

**- Bị đơn:** Ông Bùi Văn D, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp TL, xã ĐT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:* Bà là chủ Doanh nghiệp tư nhân TTV. Vào ngày 02-7-2009 âm lịch (tức ngày 21-8-2009 dương lịch), bà có bán cho vợ chồng anh Bùi Văn D, chị Lê Thị N 01 xe mô tô nhãn hiệu Nouvo, số máy 078803, số khung 078809, màu xanh trắng, giá tiền 35.000.000 đồng. Bên mua trả tiền mặt

10.000.000 đồng ngay khi nhận xe, còn nợ lại số tiền 25.000.000 đồng. Hai bên có lập hợp đồng mua xe trả góp. Anh D, chị N có ký tên và điểm chỉ vào hợp đồng do bà giữ vì chỉ làm 01 bản. Hợp đồng có ghi sau 10 ngày bên mua sẽ trả số tiền 2.000.000 đồng, số còn lại trả góp mỗi tháng số tiền 1.000.000 đồng đến khi hết nợ. Sau khi mua xe thì chị N đã chết. Thực tế, anh D có trả góp và còn nợ lại bà số tiền 6.000.000 đồng chưa trả. Nay bà chỉ yêu cầu anh D trả cho bà số tiền 6.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi suất. Bà không yêu cầu những người thừa kế của chị N có trách nhiệm cùng anh D trả nợ cho bà vì số nợ không lớn.

*Bị đơn anh Bùi Văn D trình bày trong hồ sơ vụ án:* Thừa nhận anh và vợ anh là chị Lê Thị N có mua xe mô tô nhãn hiệu Nouvo của bà T vào ngày 21-8-2009, giá 45.000.000 đồng, vợ chồng anh trả tiền mặt 20.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 25.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận sẽ trả góp mỗi tháng số tiền 1.000.000 đồng. Anh và chị N có ký tên vào hợp đồng mua bán do bên bà T lập. Anh là người quản lý, sở hữu xe mô tô Nouvo nhưng xe đã bị mất trộm sau 14 ngày kể từ ngày mua. Năm 2010, chị N chết. Dù vậy, anh có trả góp tiền mua xe cho bà T từ tháng 8-2009 đến tháng 5-2017 nhưng không đầy đủ. Mỗi lần anh trả tiền góp cho bà T thì bà T có ghi vào tờ giấy tay số tiền anh trả và bà T có ký tên giao anh giữ. Anh không đồng ý nộp bản chính cho Tòa án mà chỉ nộp bản phô tô. Nay anh đồng ý trả cho bà T số tiền còn nợ lại là 5.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng số tiền 1.000.000 đồng.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015 xem xét, quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản của bà Nguyễn Thị T đối với anh Bùi Văn D. Buộc anh Bùi Văn D có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 5.000.000 đồng, ghi nhận không yêu cầu lãi suất.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T yêu cầu anh Bùi Văn D trả thêm số tiền 1.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bị đơn anh Bùi Văn D vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp: Khi khởi kiện, bà T khởi kiện yêu cầu anh D trả cho bà số tiền nợ mua xe mô tô còn lại là 10.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 02-7-2011 đến ngày Tòa xét xử sơ thẩm vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Bà T yêu cầu anh D trả cho bà T số tiền 6.000.000 đồng nợ gốc; không yêu cầu trả tiền lãi suất. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà T không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà T.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà T thấy rằng: Bà T và anh D thừa nhận có mua bán xe mô tô với nhau vào ngày 02-7-2009 (tức ngày 21-8-2009 dương lịch) và có lập hợp đồng, hình thức thanh toán trả góp. Nay bà T khởi kiện yêu cầu anh D trả số tiền còn nợ lại là 6.000.000 đồng. Anh D thừa nhận còn nợ bà T số tiền 5.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà T số tiền 5.000.000 đồng. Bà T không xuất trình được chứng cứ chứng minh rằng anh D còn nợ bà T số tiền 6.000.000 đồng. Vì vậy, có cơ sở khẳng định rằng anh D còn nợ bà T số tiền 5.000.000 đồng như anh D đã thừa nhận.

Đối với tờ giấy viết tay anh D cung cấp cho Tòa án có nội dung ghi số tiền anh trả cho bà T và bà T có ký tên. Xét thấy, nội dung rất mờ nhạt, không rõ, là bản phô tô không phải là bản chính nên không phải là chứng cứ chứng minh theo quy định tại Điều 93 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử không đánh giá chứng cứ đối với tờ giấy này.

Đối với nguyện vọng của anh D xin trả dần cho bà T mỗi tháng số tiền 1.000.000 đồng thuộc phạm vi thi hành án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét thấy, thời điểm mua xe thì anh D và chị N cùng đứng tên mua xe của bà T. Chị N đã chết năm 2010, bà T không yêu cầu người thừa kế của chị N cùng anh D trả nợ cho bà. Anh D thừa nhận anh là người sở hữu xe mô tô nhãn hiệu Nouvo mua của bà T và anh đồng ý trả nợ cho bà T. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận bà T chỉ yêu cầu anh D trả nợ cho bà.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T yêu cầu anh Bùi Văn D trả số tiền 5.000.000 đồng theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu anh Bùi Văn D trả thêm số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng; anh Bùi Văn D phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản đối với anh Bùi Văn D.

Buộc anh Bùi Văn D trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng. Ghi nhận bà Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Bùi Văn D trả tiền lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**2.** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu anh Bùi Văn D trả thêm số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng.

**3.** Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà T đã nộp là 480.000 (Bốn trăm tám mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018446 ngày 13-8-2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; hoàn trả lại cho bà T số tiền 180.000 (Một trăm tám mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Bùi Văn D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**4.** Báo cho bà T, anh D biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Lưu: Ấn văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Lê Ngọc Dũng**